



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 - 27

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2010

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.081.862.710	7.403.555.092
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.345.533.525	1.944.228.950
111	1. Tiền	4	1.345.533.525	1.944.228.950
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	157.571.210
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	157.571.210
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.378.686.678	2.956.113.887
131	1. Phải thu khách hàng	6	2.194.011.427	1.694.730.505
132	2. Trả trước cho người bán	7	1.447.564.963	870.124.080
135	3. Các khoản phải thu khác	8	738.139.311	392.823.227
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.029.023)	(1.563.925)
140	IV. Hàng tồn kho		2.099.128.173	2.213.150.611
141	1. Hàng tồn kho	9	2.099.640.767	2.213.663.205
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(512.594)	(512.594)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		176.731.094	132.490.434
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		24.830.860	32.418.109
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		60.809.651	43.369.234
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.523.660	36.986
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	85.566.923	56.666.105
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.794.376.387	4.792.656.182
220	I. Tài sản cố định		2.802.672.483	2.517.309.488
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	740.121.120	671.688.850
222	Nguyên giá		829.013.707	795.779.397
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(88.892.587)	(124.090.547)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	109.088.075	94.463.918
228	Nguyên giá		110.872.710	96.080.465
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.784.635)	(1.616.547)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.953.463.288	1.751.156.720
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		1.786.729.730	2.061.446.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	70.098.898	69.098.898
258	2. Đầu tư dài hạn khác	15	1.716.630.832	1.992.347.102
260	III. Tài sản dài hạn khác		204.974.174	213.900.694
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	138.812.376	141.963.630
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	63.071.273	69.237.539
268	3. Tài sản dài hạn khác		3.090.525	2.699.525
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.876.239.097	12.196.211.274

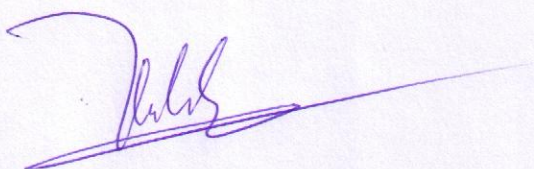
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010

B01-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.306.048.129	7.085.142.093
310	I. Nợ ngắn hạn		4.489.258.592	4.311.427.635
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	3.140.293.281	2.991.797.773
312	2. Phải trả cho người bán		171.065.967	197.537.916
313	3. Người mua trả tiền trước	18	53.025.371	44.397.490
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	256.736.070	265.774.014
315	5. Phải trả công nhân viên		19.738.002	17.811.136
316	6. Chi phí phải trả	20	660.920.581	644.983.946
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	155.763.528	132.540.015
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.715.792	16.585.345
330	II. Nợ dài hạn		2.816.789.537	2.773.714.458
333	1. Phải trả dài hạn khác	22	23.784.650	23.992.393
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	2.197.186.137	2.248.707.163
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	594.113.679	499.210.181
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.705.071	1.804.721
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.137.057.762	4.694.914.864
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	5.137.057.762	4.694.914.864
411	1. Vốn cổ phần		2.704.654.580	2.704.654.580
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.223.971.061	1.223.971.061
413	3. Phụ trội hợp nhất công ty con		(410.353.517)	(399.237.919)
415	4. Cổ phiếu quỹ		(30.091.699)	(30.091.699)
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.937.528	20.463.787
417	6. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	7. Quỹ dự phòng tài chính		137.566.076	82.528.069
420	8. Lợi nhuận chưa phân phối		1.486.750.996	1.084.004.248
500	C. LỢI ÍCH CŨ ĐÔNG THIỂU SỐ		433.133.206	416.154.317
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.876.239.097	12.196.211.274



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010


Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

B02-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý 1 năm 2010	Quý 1 năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.197.235.335	911.100.349
02	2. Các khoản giảm trừ	25.1	(4.593.929)	(1.818.621)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.192.641.406	909.281.728
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(576.198.427)	(430.274.340)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		616.442.979	479.007.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	197.233.089	12.272.230
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	27	(36.907.093)	(63.633.895)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.451.633)	(63.345.969)
24	8. Chi phí bán hàng		(30.869.569)	(17.989.274)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(42.637.303)	(36.271.383)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		703.262.103	373.385.066
31	11. Thu nhập khác	28	4.122.219	2.092.897
32	12. Chi phí khác	28	(10.430.179)	(16.097.502)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	28	(6.307.960)	(14.004.605)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		696.954.143	359.380.461
51	15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.1	(47.399.183)	(721.325)
52	16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.2	(111.140.348)	(85.677.565)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		538.414.612	272.981.571
	Phân bổ cho:			
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		28.953.855	33.782.397
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		509.460.757	239.199.174
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)		1.887	1.351


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng


Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Quý 1 năm 2010	Quý 1 năm 2009
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh (HĐKD)			
01	Lợi nhuận trước thuế		696.954.143	359.380.461
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11, 12, 16	36.473.798	25.996.764
03	Các khoản dự phòng		(534.902)	(600.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(184.953.752)	(9.005.764)
06	Chi phí lãi vay	27	35.451.633	63.345.969
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		583.390.920	439.117.430
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(662.683.092)	239.740.140
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		136.498.262	(151.321.592)
11	Tăng các khoản phải trả		(65.703.722)	(9.331.439)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(10.413.736)	491.758
13	Tiền lãi vay đã trả		(18.727.526)	(82.801.727)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.395.190)	(2.800.096)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	7.384.625
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(36.545.555)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD		(94.579.639)	440.479.099
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(767.436.993)	(40.549.245)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		411.909	-
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(115.960.539)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(7.391.446)	(281.559.360)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		265.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.286.801	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(601.090.268)	(322.108.605)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		493.577.475	401.291.277
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(396.602.993)	(604.892.709)
37	Vốn góp của cổ đông thiểu số trong các công ty con		-	10.388.980
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		96.974.482	(193.212.452)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

B03-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	Khoản mục	Thuyết minh	Quý 1 năm 2010	Quý 1 năm 2009
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(598.695.425)	(74.841.958)
60	Tiền đầu kỳ		1.944.228.950	531.085.394
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	1.345.533.525	456.243.436



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2010, Công ty có 35 công ty con và 4 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 32 công ty con và 4 công ty liên kết). Hoạt động chính của Tập đoàn, thông qua công ty mẹ và các công ty con, là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác, chế biến và kinh doanh mủ cao su và gỗ cao su; xây dựng; khai khoáng; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý 1 năm 2010 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010.

2.4 *Đồng tiền hạch toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.5 *Hợp nhất báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 3 năm 2010. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm chi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ được trình bày trong mục Đầu tư dài hạn khác theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

3.4 *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá (do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời .v.v...) nguyên vật liệu, thành phẩm, và các hàng tồn kho khác của Tập đoàn, căn cứ vào chứng cứ giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	10 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, thủy điện, văn phòng cho thuê, trồng cây cao su và trà của Tập đoàn mà các công trình này chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính này.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là, hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với các công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty trả bảo hiểm mất việc làm theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá quy định tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán; các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi vào nguồn vốn chủ sở hữu. Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu căn hộ

Đối với các căn hộ mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tập đoàn có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của các căn hộ bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được áp dụng nhất quán với các năm trước và là một nguyên tắc được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác .v.v...

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

3.20 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Tiền gửi ngân hàng	1.336.971.061	1.938.118.707
Tiền mặt tại quỹ	8.562.464	6.110.243
TỔNG CỘNG	1.345.533.525	1.944.228.950

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tài khoản này thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Phải thu tiền bán căn hộ	1.789.356.114	1.540.626.758
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	211.603.591	139.319.364
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	193.051.722	14.784.383
TỔNG CỘNG	<u>2.194.011.427</u>	<u>1.694.730.505</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Trả trước cho nhà thầu	920.012.760	773.468.674
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	46.288.231	68.574.355
Trả trước mua quyền sử dụng đất và bất động sản	481.263.972	28.081.051
TỔNG CỘNG	<u>1.447.564.963</u>	<u>870.124.080</u>

Trả trước cho nhà thầu thể hiện các khoản tạm ứng để xây dựng các dự án bất động sản và thủy điện của Tập đoàn.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	364.000.000	128.000.000
Phải thu nhân viên	131.154.544	74.971.330
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	59.340.138	61.136.442
Khoản cho vay các công ty	118.959.028	57.385.399
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	27.703.903	27.521.566
Các khoản khác	36.981.698	43.808.490
TỔNG CỘNG	<u>738.139.311</u>	<u>392.823.227</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	1.657.038.328	1.806.305.701
Thành phẩm	111.897.403	96.183.765
Hàng hóa	35.273.144	49.131.285
Hàng mua đang đi trên đường	7.433	9.970.486
Sản phẩm dở dang	133.807.854	119.973.449
Trong đó:		
<i>Sản xuất</i>	93.642.845	79.589.385
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	38.144.384	39.741.107
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	2.020.625	642.957
Nguyên vật liệu	155.020.044	129.034.391
Vật liệu xây dựng	-	91.694
Công cụ, dụng cụ	6.596.561	2.972.434
TỔNG CỘNG	<u>2.099.640.767</u>	<u>2.213.663.205</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	65.809.557	47.785.437
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	19.554.930	8.757.210
Các khoản khác	202.436	123.458
TỔNG CỘNG	<u>85.566.923</u>	<u>56.666.105</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	423.631.909	237.314.494	115.010.780	6.652.686	6.635.322	6.534.206	795.779.397
Tăng trong kỳ	11.834.663	65.818.419	22.691.881	796.297	-	433.231	101.574.491
Giảm trong kỳ	(21.510.927)	(35.270.989)	(10.764.269)	(371.222)	-	(422.774)	(68.340.181)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	413.955.645	267.861.924	126.938.392	7.077.761	6.635.322	6.544.663	829.013.707
Khấu hao lũy kế							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	(36.015.307)	(62.828.217)	(20.317.343)	(2.245.207)	(773.523)	(1.910.950)	(124.090.547)
Tăng trong kỳ	(3.656.555)	(7.714.075)	(3.061.944)	(404.578)	(41.847)	(231.714)	(15.110.713)
Giảm trong kỳ	14.591.508	34.204.608	800.651	289.239	-	422.667	50.308.673
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	(25.080.354)	(36.337.684)	(22.578.636)	(2.360.546)	(815.370)	(1.719.997)	(88.892.587)
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	387.616.602	174.486.277	94.693.437	4.407.479	5.861.799	4.623.256	671.688.850
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	388.875.291	231.524.240	104.359.756	4.717.215	5.819.952	4.824.666	740.121.120

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	89.237.364	6.843.101	96.080.465
Tăng trong kỳ	15.469.864	143.890	15.613.754
Giảm trong kỳ	<u>(778.751)</u>	<u>(42.758)</u>	<u>(821.509)</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>103.928.477</u>	<u>6.944.233</u>	<u>110.872.710</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	(1.352.594)	(263.953)	(1.616.547)
Tăng trong kỳ	(49.486)	(161.360)	(210.846)
Giảm trong kỳ	<u>-</u>	<u>42.758</u>	<u>42.758</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>(1.402.080)</u>	<u>(382.555)</u>	<u>(1.784.635)</u>
Giá trị thuần			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>87.884.770</u>	<u>6.579.148</u>	<u>94.463.918</u>
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>102.526.397</u>	<u>6.561.678</u>	<u>109.088.075</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Văn phòng cho thuê	671.153.160	663.550.389
Chi phí trồng cây cao su và trà	572.566.917	541.842.682
Nhà máy thủy điện	564.752.426	445.607.334
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	57.880.598	82.011.839
Các công trình xây dựng khác	<u>87.110.187</u>	<u>18.144.476</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.953.463.288</u>	<u>1.751.156.720</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2010			Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Mang Yang	Trồng cao su	1.815.608	40,00	41.705.588	1.815.608	40,00	41.705.588
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	1.100.000	42,73	15.431.170	1.000.000	39,20	14.431.170
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	750.000	25,00	7.457.531	750.000	25,00	7.457.531
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	500.000	25,00	5.504.609	500.000	25,00	5.504.609
TỔNG CỘNG				70.098.898			69.098.898

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	1.141.798.417	1.217.848.242
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh	293.325.311	492.991.756
Cho vay Chính phủ Lào	266.120.201	266.120.201
Đầu tư vào cổ phiếu phổ thông	15.386.903	15.386.903
TỔNG CỘNG	<u>1.716.630.832</u>	<u>1.992.347.102</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Quý 1 năm 2010	Quý 1 năm 2009
Số đầu kỳ	141.963.630	331.880.376
Tăng trong kỳ	18.044.448	25.134.146
Giảm do thanh lý hợp đồng	(43.463)	-
Phân bổ trong kỳ	(21.152.239)	(17.458.753)
Số cuối kỳ	<u>138.812.376</u>	<u>339.555.769</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Trái phiếu chuyển đổi	1.450.000.000	1.450.000.000
Các khoản vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	1.008.797.774	842.197.137
Vay các tổ chức và cá nhân khác	-	57.000
	<u>1.008.797.774</u>	<u>842.254.137</u>
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	681.495.507	699.543.636
TỔNG CỘNG	<u>3.140.293.281</u>	<u>2.991.797.773</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Khách hàng thương mại trả tiền trước	52.325.371	42.900.982
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	700.000	1.496.508
TỔNG CỘNG	<u>53.025.371</u>	<u>44.397.490</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.459.451	133.031.368
Thuế GTGT	60.725.187	130.553.105
Thuế thu nhập cá nhân	1.187.486	943.412
Các khoản phải nộp khác	363.946	1.246.129
TỔNG CỘNG	<u>256.736.070</u>	<u>265.774.014</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí xây dựng hoàn thành các căn hộ đã bán	581.988.048	548.643.141
Chi phí lãi vay	18.779.437	35.503.544
Chi phí bảo hành căn hộ	28.994.252	28.994.252
Tiền phạt do bàn giao căn hộ trễ tiến độ	17.982.401	18.982.400
Các khoản khác	13.176.443	12.860.609
TỔNG CỘNG	<u>660.920.581</u>	<u>644.983.946</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Phải trả các công ty khác	53.188.942	53.188.942
Phải trả nhân viên	17.816.729	23.441.156
Phải trả tiền mua đất	18.259.456	18.259.456
Phải trả cổ tức	24.150.000	17.400.000
Tiền phạt do bàn giao căn hộ trễ tiến độ	6.965.212	7.649.096
Các khoản khác	35.383.189	12.601.365
TỔNG CỘNG	<u>155.763.528</u>	<u>132.540.015</u>

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Nhận ứng trước tiền bán giảm phát thải "CER"	19.757.878	19.757.878
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	4.026.772	4.234.515
TỔNG CỘNG	<u>23.784.650</u>	<u>23.992.393</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2010</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>
Trái phiếu	1.450.000.000	1.450.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	<u>1.428.681.644</u>	<u>1.498.250.799</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.878.681.644</u>	<u>2.948.250.799</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)</i>	<i>681.495.507</i>	<i>699.543.636</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>2.197.186.137</i>	<i>2.248.707.163</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngàn VNĐ
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.704.654.580	1.223.971.061	(399.237.919)	(30.091.699)	20.463.787	8.622.737	82.528.069	1.084.004.248	4.694.914.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ								509.460.757	509.460.757
Trích lập quỹ									
Dự phòng tài chính							55.038.007	(55.038.007)	(50.022.759)
Khen thưởng, phúc lợi								(50.022.759)	(11.115.598)
Phụ trội hợp nhất			(11.115.598)		(4.526.259)				(4.526.259)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát									
Số dư, ngày 31 tháng 3 năm 2010	<u>2.704.654.580</u>	<u>1.223.971.061</u>	<u>(410.353.517)</u>	<u>(30.091.699)</u>	<u>15.937.528</u>	<u>8.622.737</u>	<u>137.566.076</u>	<u>1.486.750.996</u>	<u>5.137.057.762</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	270.465.458	270.465.458
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	270.465.458	270.465.458
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	270.465.458	270.465.458
Cổ phiếu quỹ	512.290	512.290
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	512.290	512.290
Cổ phiếu đang lưu hành	269.953.168	269.953.168
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	269.953.168	269.953.168

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Quý 1 năm 2010	Ngân VNĐ Quý 1 năm 2009
Doanh thu gộp	1.197.235.335	911.100.349
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu căn hộ</i>	812.933.166	683.363.629
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	204.593.206	94.822.151
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	143.712.933	106.509.673
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	35.996.030	26.404.896
Trừ	(4.593.929)	(1.818.621)
Hàng bán trả lại	(4.522.502)	(1.767.007)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(71.427)	(51.614)
Doanh thu thuần	1.192.641.406	909.281.728
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu căn hộ</i>	812.933.166	683.363.629
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	204.570.704	93.034.755
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	143.712.933	106.509.673
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	31.424.603	26.373.671

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1 năm 2010	Ngàn VNĐ Quý 1 năm 2009
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	167.394.314	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.918.468	3.076.845
Lãi cho vay các cá nhân	-	3.333.063
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	920.307	2.287.442
Phần sở hữu lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết	-	3.519.597
Các khoản khác	-	55.283
TỔNG CỘNG	<u>197.233.089</u>	<u>12.272.230</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1 năm 2010	Ngàn VNĐ Quý 1 năm 2009
Giá vốn căn hộ	331.409.106	290.727.989
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	141.667.724	76.462.348
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	79.770.981	19.075.734
Giá vốn dịch vụ cung cấp	23.350.616	44.008.269
TỔNG CỘNG	<u>576.198.427</u>	<u>430.274.340</u>

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2010	Ngàn VNĐ Quý 1 năm 2009
Chi phí lãi vay ngân hàng	35.451.633	63.345.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.455.460	286.407
Các khoản khác	-	1.519
TỔNG CỘNG	<u>36.907.093</u>	<u>63.633.895</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1 năm 2010	Ngàn VNĐ Quý 1 năm 2009
Thu nhập khác	4.122.219	2.092.897
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	411.909	-
Tiền bồi thường nhận được	466.553	329.836
Tiền thu bán phế liệu	225.280	-
Các khoản khác	3.018.477	1.763.061
Chi phí khác	(10.430.179)	(16.097.502)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(561.005)	(15.589.553)
Giá vốn phế liệu	(202.798)	-
Các khoản khác	(9.666.376)	(507.949)
Lãi/(lỗ) thuần	(6.307.960)	(14.004.605)

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Quý 1 năm 2010	Ngàn VNĐ Quý 1 năm 2009
Thuế TNDN hiện hành	47.399.183	721.325
Thuế TNDN hoãn lại	111.140.348	85.677.565
TỔNG CỘNG	158.539.531	86.398.890

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	Quý 1 năm 2010	Ngàn VND Quý 1 năm 2009
Lợi nhuận trước thuế	696.954.143	359.380.461
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
Điều chỉnh tăng		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	1.533.500	32.267.944
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong kỳ nhưng chưa chịu thuế	337.191.564	339.477.784
Lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	(1.240.576)	(38.579.875)
Chi phí trích trước	145.796.381	
Các khoản lỗ của các công ty con	35.839.820	11.382.995
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	441.736	563.757
Chi phí khác	5.000.804	-
Điều chỉnh giảm		
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm nhưng chưa chịu thuế kỳ này	(813.683.904)	(749.852.247)
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm trước và chịu thuế kỳ này	(5.756.852)	(30.003.420)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	-	(3.519.597)
Chi phí trích trước năm trước đã trả kỳ này	(80.271.927)	(31.824.124)
Các thu nhập khác	-	(1.089.134)
Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	321.804.689	(111.795.456)
Lỗ thuế mang sang	-	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	321.804.689	(111.795.456)
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	80.451.172	-
Trích thiếu thuế TNDN năm trước	1.865.876	721.325
Giảm 30% thuế TNDN (*)	(34.917.865)	
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	47.399.183	721.325

(*) Đây là khoản thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2010 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

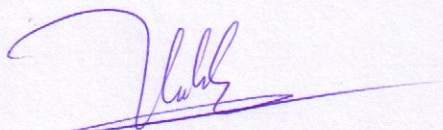
29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

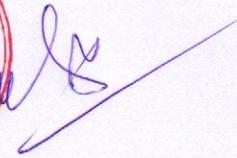
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Ngân VNĐ
	Ngày 31 tháng 3 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con	23.440.697	19.450.913	(3.989.784)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	3.181.481	3.910.600	729.119
Chi phí trích trước	36.449.095	45.876.026	9.426.931
	63.071.273	69.237.539	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	61.439.435	61.439.435	-
Lợi nhuận từ doanh thu căn hộ ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành chưa phải nộp thuế	615.046.827	510.072.745	104.974.082
	676.486.262	571.512.180	
Thuế TNDN ứng trước phải trả từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng	82.372.583	72.301.999	
	594.113.679	499.210.181	
Thuế thu nhập hoãn lại thuần ghi nợ trong kết quả hoạt động kinh doanh			111.140.348

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2010